

306/2012/HS-PT, đến ngày 29/8/2014 chấp hành xong hình phạt (đã được xóa án tích).

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/6/2017, hiện đang tạm giam, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn K, sinh năm 1976, tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Khu phố 9, thị trấn H1, huyện H2, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B3 và bà Hoàng Thị Ch; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị A1 và có 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/6/2017, hiện đang tạm giam, có mặt tại phiên tòa.

3. Bùi Quốc Đ, sinh năm 1989, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn 5, xã E, huyện C3, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Cắt tóc; trình độ học vấn: 10/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Quốc U và bà Nguyễn Thị M1; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/02/2018, hiện đang tạm giam, có mặt tại phiên tòa.

4. Lê Công V, sinh năm 1984, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: 66/17 Đường Ng, tổ dân phố 4, phường T3, thành phố B1, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Phụ xe; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Công C4 và bà Nguyễn Thị L; bị cáo có vợ là Nguyễn Ngọc Đan P và có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/02/2018, hiện đang tạm giam, có mặt tại phiên tòa.

5. Hoàng Văn T, sinh năm 1978, tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn 2, xã E, huyện C3, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt nam; con ông Hoàng Văn D2 (đã chết) và bà Lê Thị O; bị cáo có vợ là Lê Thị D1 và có 02 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/02/2018, hiện đang tạm giam, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Đình Q, Nguyễn Văn K, Bùi Quốc Đ, Lê Công V theo yêu cầu của Tòa án: Luật sư Nguyễn Văn K1 - Văn phòng Luật sư B, Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

Người bị hại:

1. Ông Nguyễn Đức H và bà H'Luan B1; trú tại: 27 đường Tr, phường E2, thành phố B1, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bà Nguyễn Thị M; trú tại: 144/25 đường Ph, phường T6, thành phố B1, tỉnh Đắk Lắk.

3. Ông Nguyễn Hoàng N; trú tại: 72 đường Ng2, phường T6, thành phố B1, tỉnh Đắk Lắk.

Đều vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Lê Văn Đ1; trú tại: Số 56 đường D3, phường V1, thành phố N2, tỉnh Khánh Hòa, có mặt.

2. Ông Nguyễn Tấn T1; trú tại: Số 55 đường T6, phường Ph1, thành phố N2, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

3. Ông Thái T2; trú tại: Số 41 đường L1, phường T7, thành phố B1, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

4. Ông Đặng Thế C; trú tại: Số 115 đường Ph2, phường T6, thành phố B1, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

5. Ông Vạng Tâm Th; trú tại: Số 128/38 thôn 4, xã D4, huyện D5, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

6. Ông Nguyễn Văn D; trú tại: Khố 2A, thị trấn E1, huyện E1, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

7. Bà Hồ Thị Như N1; trú tại: Số 501/6/8 đường L2, phường E2, thành phố B1, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

8. Bà Lê Thị D1; trú tại: Thôn 2, xã E, huyện C3, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

9. Bà Nguyễn Thị L; trú tại: 66/17 Đường Ng, phường T3, thành phố B1, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đình Q làm nghề kinh doanh dịch vụ cho thuê xe ô tô tự lái tại thành phố B1, tỉnh Đắk Lắk và có nhờ Nguyễn Văn K, Bùi Quốc Đ, Lê Công V

và Hoàng Văn T cùng giúp việc. Đến tháng 8/2016, Q quen biết anh Nguyễn Đức H cũng làm nghề kinh doanh cho thuê xe ô tô tự lái và gia đình anh H có 03 xe ô tô, gồm: Xe nhãn hiệu Chevrolet Aveo biển số 47A-113.92 (do vợ chồng anh H nhờ ông Y Th1 là chú vợ đứng tên chủ sở hữu); xe nhãn hiệu Toyota Innova biển số 47A-094.23 (do anh H đứng tên chủ sở hữu) và xe nhãn hiệu Toyota Fortuner biển số 47A-141.52 do chị H'Luan B1 là vợ anh H đứng tên chủ sở hữu. Vì vậy, Q đã thuê xe của anh H rồi về cho thuê lại với giá cao hơn để hưởng tiền chênh lệch. Lúc đầu thuê xe, Q nói với anh H là về để sử dụng việc cá nhân và có lập hợp đồng thuê xe. Tuy nhiên, sau này do thuê xe thường xuyên nên Q nói cho anh H biết là về cho thuê lại để hưởng chênh lệch và không lập hợp đồng. Q thỏa thuận với anh H thuê xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet Aveo biển số 47A-113.92 với giá 500.000 đồng/1 ngày, xe nhãn hiệu Toyota Fortuner biển số 47A-141.52 là 800.000 đồng/1 ngày, xe nhãn hiệu Toyota Innova biển số 47A-094.23 là 600.000 đồng/1 ngày. Thời gian đầu Q đều trả xe và tiền thuê cho anh H đúng thời hạn, nhưng sau đó Q một mình hoặc cùng với Nguyễn Văn K, Bùi Quốc Đ, Lê Công V và Hoàng Văn T đã lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt 03 chiếc xe ô tô nói trên của anh H, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Tháng 01/2017, do anh Vạng Tâm Th nợ Q số tiền 260.000.000 đồng nhưng không có tiền trả cho Q. Vì vậy, anh Th nói với Q chuộc chiếc xe ô tô hiệu Suzuki Vitara biển số 79A-138.24 của anh Th đang cầm cố ở thành phố C1, tỉnh Khánh Hòa về sử dụng, khi nào anh Th có tiền trả cho Q thì sẽ lấy xe về. Do không có tiền để chuộc xe ô tô của anh Th, nên Q đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe ô tô Chevrolet Aveo biển số 47A-113.92 đang thuê của anh H. Sau đó, tại thành phố B1, tỉnh Đắk Lắk, Q đã bàn bạc với Nguyễn Văn K, Bùi Quốc Đ, Lê Công V làm giả giấy tờ xe ô tô này để cầm cố lấy tiền tiêu xài và chuộc chiếc xe ô tô của anh Th thì Nguyễn Văn K, Bùi Quốc Đ và Lê Công V đồng ý. Q lên mạng Internet tìm hiểu và liên hệ với đối tượng tên Hùng (không xác định lai lịch và địa chỉ) làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 47A-113.92 mang tên Nguyễn Đình Q với giá 7.000.000 đồng. Sau khi làm giả được giấy tờ xe, ngày 18/01/2017, Q cùng với K điều khiển xe ô tô này từ thành phố B1, tỉnh Đắk Lắk đến thành phố N2, tỉnh Khánh Hòa gặp anh Th để nhờ tìm chỗ cầm xe. Anh Th đưa Q và K đến tiệm cầm đồ của anh Nguyễn Tấn T1 cầm xe với số tiền 200.000.000 đồng. Sau đó, Q cho anh Th

10.000.000 đồng, K 10.000.000 đồng, V 8.000.000 đồng và Đ 5.000.000 đồng, số tiền còn lại Q chuộc xe ô tô của anh Th về sử dụng.

Lần thứ hai: Đầu tháng 02/2017, anh Nguyễn Đức H yêu cầu Q đưa xe ô tô Chevrolet Aveo biển số 47A-113.92 về để kiểm tra. Do không có tiền để chuộc xe về trả cho anh H, nên Q nảy sinh ý định làm giả giấy tờ xe ô tô Toyota Innova biển số 47A-094.23 đang thuê của anh H để đưa đi thế chấp, lấy tiền chuộc xe ô tô Chevrolet Aveo biển số 47A-113.92. Sau đó, Q gặp K, Đ, V và Hoàng Văn T tại phòng trọ của K bàn bạc việc nhờ người làm giả giấy tờ xe ô tô biển số 47A-094.23 để cầm cố lấy tiền tiêu xài, thì cả bọn đồng ý. Q nói Đ cung cấp thông tin cá nhân của Đ và K đưa hình ảnh của K để Q nhờ người làm giả giấy chứng minh nhân dân và giấy chứng nhận đăng ký xe giả. Sau đó, Q liên hệ với đối tượng tên Hùng thuê làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 47A-094.23 và chứng minh nhân dân giả đều mang tên Bùi Quốc Đ với giá 7.000.000 đồng. Đến ngày 05/02/2017, Q điện thoại nói K và T chạy xe ô tô biển số 47A-094.23 đến thành phố N2, tỉnh Khánh Hòa gặp V và Đ để tìm nơi cầm xe, rồi đón Q tại sân bay C1 (do Q đi thành phố Hồ Chí Minh để lấy giấy tờ giả về thành phố C1). Sau đó, Q, T, V, Đ và K gặp nhau tại khách sạn “Dịu Dàng” ở thành phố N2, tỉnh Khánh Hòa. Tại đây, Q đưa Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 47A-094.23 và chứng minh nhân dân giả mang tên Bùi Quốc Đ, còn ảnh trong chứng minh nhân dân là của Nguyễn Văn K cho cả bọn xem. Sau đó, V điện thoại cho anh Lê Đ1 là người lái xe taxi nhờ dẫn đi tìm tiệm cầm xe, thì anh Đ1 đồng ý. Anh Đ1 dẫn K, T và V đưa xe ô tô biển số 47A-094.23 đến tiệm cầm đồ của anh Lê Văn Đ1 để cầm xe, K giới thiệu với anh Đ1 là chủ xe, sau khi kiểm tra xe và giấy tờ thấy chính chủ nên anh Đ1 đồng ý cầm xe với giá 250.000.000 đồng trong thời hạn 10 ngày. Do không đủ tiền nên anh Đ1 đưa trước cho K 150.000.000 đồng và hẹn ngày hôm sau đưa hết số tiền còn lại. Sau đó, K về khách sạn đưa số tiền này cho Q, thì Q nói K ở lại gặp anh Đ1 lấy số tiền còn lại và đưa cho K 4.000.000 đồng. Sau khi về thành phố B1, Q đưa cho V 20.000.000 đồng, Đ 10.000.000 đồng, T 5.000.000 đồng và Q đưa cho anh Lê Đ1 9.000.000 đồng, trong đó gồm 7.000.000 đồng là tiền công mà Đ, V thuê xe anh Đ1 tại thành phố N2 để đi lại, tiền công chở về tỉnh Đắk Lắk và cho anh Đ1 thêm 2.000.000 đồng. Ngày 06/02/2017, anh Đ1 đưa 100.000.000 đồng còn lại cho K và K chuyển vào tài khoản cho Q. Khi K về thành phố B1, thì Q đưa thêm cho K 14.000.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 (do Q dùng tiền

cầm cố xe mua với giá 6.000.000 đồng). Số tiền còn lại, Q dùng vào việc cá nhân, mà không chuộc chiếc xe ô tô Chevrolet Aveo biển số 47A-113.92 về trả cho anh H. Khi hết thời hạn cầm xe, anh Đ1 đã nhiều lần gọi điện yêu cầu K chuộc xe, thì K hồi thúc Q, nhưng Q đưa ra nhiều lý do không chuộc xe về. Sau đó, do không có tiền tiêu xài nên K đã tự ý thoả thuận bán chiếc xe ô tô này cho anh Đ1 với giá 365.000.000 đồng, trong đó trừ số tiền cầm xe đã nhận là 250.000.000 đồng và trừ tiền lãi 65.000.000 đồng, sau khi làm xong thủ tục sang tên đổi chủ xe thì anh Đ1 sẽ trả số tiền còn lại 50.000.000 đồng. Một thời gian sau, K muốn lấy số tiền còn lại 50.000.000 đồng nên đã nói dối với anh Đ1 là cần tiền để làm thủ tục sang tên đổi chủ xe nên anh Đ1 đã đưa cho K 03 lần với tổng số tiền 30.000.000 đồng và K đã sử dụng tiêu xài cá nhân.

Ngày 13/5/2017, anh Đ1 cho anh Lê Đ1 thuê xe ô tô biển số 47A-094.23 để chạy taxi. Đến ngày 14/5/2017, anh Đ1 cho anh Ngô Trường C2 thuê xe ô tô này để đi dự đám cưới tại thành phố B1, tỉnh Đắk Lắk. Khi anh C2 điều khiển xe ô tô đi đến địa bàn huyện K2, tỉnh Đắk Lắk thì bị Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đắk Lắk kiểm tra, tạm giữ xe và giấy chứng nhận đăng ký xe vì nghi ngờ giấy tờ xe là giả, sau đó đã chuyển cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk để xác minh làm rõ.

Lần thứ ba: Ngày 12/02/2017, Nguyễn Đình Q sử dụng xe ô tô biển số 79A-138.24 thế chấp cho anh Đặng Thế C lấy số tiền 400.000.000 đồng tiêu xài cá nhân. Đến đầu tháng 3/2017, Q tiếp tục nảy sinh ý định làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô Toyota Fortuner biển số 47A-141.52 đang thuê của anh H để nhằm mục đích thay thế lấy chiếc xe ô tô biển số 79A-138.24 đang cầm cố cho anh C ra để cầm cố cho người khác với số tiền cao hơn. Sau đó, Q tiếp tục liên hệ với đối tượng tên Hùng làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô trên, mang tên chủ sở hữu là chị H'Luan B1 (vợ anh H) với giá 7.000.000 đồng, rồi đưa xe ô tô Toyota Fortuner biển số 47A-141.52 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe giả cho anh C và lấy xe ô tô biển số 79A-138.24 về thế chấp cho đối tượng tên Kiên (không rõ lai lịch, địa chỉ) lấy tiền để sử dụng tiêu xài cá nhân.

Sau đó, do nhiều lần yêu cầu Q trả xe nhưng Q không thực hiện, nên ngày 18/3/2017, anh H kiểm tra định vị của 03 chiếc xe ô tô đã cho Q thuê và phát hiện hệ thống định vị của xe không hoạt động nên đã hỏi Q, thì Q thừa nhận đã mang đi cầm cố lấy tiền tiêu xài. Vì vậy, anh H yêu cầu Q lập và ký 03 hợp đồng thuê xe, đồng thời viết giấy cam đoan với nội dung “Ngày 25/3/2017, Q trả

xe ô tô biển số 47A-094.23, ngày 30/3/2017 trả xe ô tô biển số 47A-113.92 và ngày 05/4/2017 trả xe biển số 47A-141.52”, nhưng sau đó Q không thực hiện nên anh H đã làm đơn tố cáo hành vi của Q.

Lần thứ tư: Ngoài hành vi cùng đồng bọn lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt 03 chiếc xe ô tô của vợ chồng anh Nguyễn Đức H, thì Nguyễn Đình Q còn có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt chiếc xe ô tô nhãn hiệu Kia Cerato biển kiểm soát 47A-170.95 đứng tên chủ sở hữu là bà Nguyễn Thị M, cụ thể như sau: Ngày 08/12/2016, Q cầm cố chiếc xe ô tô nhãn hiệu Kia Cerato biển kiểm soát 47A-170.95 (chiếc xe do Q đứng tên chủ sở hữu) cho anh Nguyễn Hoàng N với số tiền 250.000.000 đồng trong thời gian 01 tháng, lãi suất 2.000đ/1.000.000đ/ngày, đồng thời hai bên thỏa thuận nếu Q không trả tiền gốc và lãi cho anh N đúng thời hạn, thì anh N được quyền xác lập quyền sở hữu và bán xe ô tô trên. Sau đó, Q cùng anh N đến Văn phòng công chứng Đ2 ở thành phố B1 lập hợp đồng bán xe ô tô biển số 47A-170.95 cho anh N và hợp đồng Q thuê lại xe ô tô trên của anh N trong thời gian 01 tháng với số tiền 9.000.000 đồng. Ngày 08/01/2017, Q đóng tiền lãi cho anh N 15.000.000 đồng và xin gia hạn thời gian cầm xe ô tô thêm 01 tháng, thì anh N đồng ý. Ngày 08/02/2017, Q tiếp tục đóng tiền lãi cho anh N và xin gia hạn thời gian cầm xe thêm 01 tháng, nhưng anh N không đồng ý và yêu cầu Q trả hết số tiền 250.000.000 đồng tiền gốc, nếu không phải giao lại xe ô tô biển số 47A-170.95 cho anh N để thanh lý theo thỏa thuận, nhưng Q không trả tiền gốc và không giao chiếc xe trên cho anh N. Khi hết thời hạn cầm xe ô tô biển số 47A-170.95, thì đến ngày 22/02/2017, anh N làm hợp đồng bán xe này cho bà Nguyễn Thị M (mẹ của anh N). Ngày 23/02/2017, Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đắk Lắk đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký chủ sở hữu xe ô tô trên cho bà M. Trong thời gian này, Q vẫn sử dụng xe ô tô biển số 47A-170.95 nên nảy sinh ý định chiếm đoạt xe ô tô này. Sau đó, Q thuê đối tượng Hùng làm giả giấy chứng nhận đăng ký chủ sở hữu xe ô tô biển số 47A-170.95 mang tên Q. Đến ngày 26/02/2017, Q đưa xe ô tô biển số 47A-170.95 và Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả cầm cố cho anh Thái T2, là chủ dịch vụ cầm đồ “Phút 89” với số tiền 330.000.000 đồng, lãi suất 2.000đ/1.000.000đ/01 ngày, thời hạn là 01 tháng. Sau khi cầm xe, Q không trả tiền gốc và tiền lãi nên anh T2 đã tiến hành bán xe cho bà Hồ Thị Như N1. Đến ngày 13/4/2017, khi Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đắk Lắk làm thủ tục để cấp giấy chứng nhận đăng ký chủ sở hữu xe cho bà N1, thì phát hiện hồ

sơ mua bán xe ô tô biển số 47A-170.95 của bà N1 có dấu hiệu làm giả nên đã tạm giữ hồ sơ, xe ô tô này và giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B1, tỉnh Đắk Lắk để xử lý theo thẩm quyền.

Tại kết luận giám định số 335/PC54 ngày 10/6/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 018700 ghi Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đắk Lắk, cấp ngày 13/6/2016, tên chủ xe Bùi Quốc Đ, biển số 47A-094.23 là chứng nhận đăng ký xe ô tô giả; Giấy chứng minh nhân dân số 241243609 ghi Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 04/6/2015, họ tên Bùi Quốc Đ, sinh ngày 22/9/1985; nguyên quán huyện C3, Hà Tĩnh, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xã E - Huyện C3 - Đắk Lắk là Giấy chứng minh nhân dân giả.

Tại kết luận giám định số 456/PC54 ngày 22/8/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 015436 ghi Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 22/02/2016, tên chủ xe H'Luan B1, biển số 47A-141.52 là chứng nhận đăng ký xe ô tô giả.

Tại kết luận giám định số 528/PC54 ngày 09/09/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 007978 ghi Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đắk Lắk, cấp ngày 07/5/2015, tên chủ xe Nguyễn Đình Q, biển số đăng ký 47A-113.92 là giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả.

Tại kết luận giám định số 293/PC54, ngày 31/5/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 023711 ghi Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 31/11/2016, tên chủ xe Nguyễn Đình Q, biển số xe 47A-170.95 (ký hiệu A1) là giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả.

Tại kết luận giám định số 294/PC54 ngày 13/6/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chữ kí, chữ viết mang tên Nguyễn Đình Q dưới mục “Bên A” trong “HỢP ĐỒNG MUA BÁN XE” (ký hiệu A1) do Phòng Tư pháp huyện E1 chứng thực ngày 10/4/2017 so với chữ kí, chữ viết đứng tên Nguyễn Đình Q trong các tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M4, M5, M6 là không phải do cùng một người kí và viết ra; chữ kí, chữ viết mang tên Hồ Thị Như N1 dưới mục “Bên B” trong “HỢP ĐỒNG MUA BÁN XE” (ký hiệu A1) do Phòng Tư pháp huyện E1 chứng thực ngày 10/4/2017 so với chữ kí, chữ viết

đứng tên Hồ Thị Như N1 trong các tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M1, M2 là không phải do cùng một người kí và viết ra.

Tại kết luận định giá tài sản số 1335/KLĐG-STC ngày 09/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk kết luận: Xe ô tô biển số 47A-094.23, chất lượng còn lại 65%, giá trị còn lại là 350.000.000 đồng.

Tại kết luận định giá tài sản số 1726/KLĐG-STC ngày 11/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk kết luận: Xe ô tô biển số 47A-141.52, chất lượng còn lại 60%, giá trị còn lại là 580.000.000 đồng; Xe ô tô biển số 47A-113.92, chất lượng còn lại 70%, giá còn lại là 330.000.000 đồng.

Tại kết luận định giá tài sản số 209/KLĐG ngày 04/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B1 kết luận xe ô tô biển số 47A-170.95 trị giá 305.0000.000 đồng.

Tại kết luận định giá tài sản số 2725/KLĐG-HĐĐG ngày 30/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk, kết luận: Điện thoại I Phone 6, màu xám, số IMEI 356976063921028, chất lượng còn lại 80%, giá trị còn lại 3.200.000 đồng; điện thoại Huawei, màu bạc, số IMEI 860906037764070, chất lượng còn lại 70%, giá trị còn lại 2.800.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 38/2018/HS-ST ngày 27/9/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

[1] Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Đình Q (tên khác: Q nhóc), Nguyễn Văn K, Bùi Quốc Đ, Lê Công V và Hoàng Văn T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; khoản 4 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình Q (tên khác: Q nhóc) 17 (mười bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 06/6/2017.

- Áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; khoản 4 Điều 175; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K 13 (mười ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 06/6/2017.

- Áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; khoản 4 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Bùi Quốc Đ 12 (mười hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 07/02/2018.

- Áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; khoản 4 Điều 175; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Công V 12 (mười hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 07/02/2018.

- Áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; khoản 3 Điều 175; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 07/02/2018.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần xử lý vật chứng, bồi thường thiệt hại, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 01/10/2018, bị cáo Nguyễn Đình Q có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 02/10/2018, bị cáo Bùi Quốc Đ có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 03/10/2018, bị cáo Lê Công V có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 19/10/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng ra Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 48/QĐ-VC2 đề nghị hủy bản án hình sự sơ thẩm để điều tra, xét xử lại theo hướng bổ sung tội danh và tăng hình phạt tù đối với các bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; hủy án sơ thẩm để điều tra,

truy tố, xét xử lại theo hướng bổ sung tội danh và tăng hình phạt tù đối với các bị cáo.

- Các bị cáo và Luật sư bào chữa cho các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Nguyễn Đình Q, Bùi Quốc Đ và Lê Công V.

Sau khi nghiên cứu toàn bộ hồ sơ vụ án được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa và các quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Đình Q, Bùi Quốc Đ và Lê Công V, nhận thấy: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, đủ căn cứ kết luận: Vào khoảng thời gian cuối năm 2016, Nguyễn Đình Q thuê 03 xe ô tô của vợ chồng anh Nguyễn Đức H, chị H'Luan B1 để cho người khác thuê lại với giá cao hơn nhằm hưởng chênh lệch. Sau đó Q nảy sinh ý định chiếm đoạt các xe ô tô đã thuê của vợ chồng anh H nên đã bàn bạc với Nguyễn Văn K, Bùi Quốc Đ, Lê Công V và Hoàng Minh T làm giả các giấy chứng nhận đăng ký các xe ô tô đã thuê của vợ chồng anh H, sau đó đem cầm cố để chiếm đoạt tiền, tiêu xài. Ngoài ra Q còn làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của bà Nguyễn Thị M mà Q đang thuê rồi đem cầm cố xe lấy tiền. Tổng cộng Q và các đồng phạm đã chiếm đoạt 04 xe ô tô, trị giá 1.565.000.000 đồng; trong đó Nguyễn Văn K, Bùi Quốc Đ, Lê Công V tham gia chiếm đoạt 02 xe, trị giá 680.000.000 đồng; Hoàng Minh T tham gia chiếm đoạt 01 xe, trị giá 350.000.000 đồng.

Với hành vi, hậu quả về giá trị tài sản chiếm đoạt nêu trên, Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2018/HS-ST ngày 27/9/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã tuyên bố các bị cáo phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; trong đó các bị cáo: Q, K, V, Đ theo khoản 4 Điều 175; bị cáo T theo khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, là có căn cứ, đúng pháp luật.

[1.1]. Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về việc bổ sung tội danh đối với các bị cáo trong vụ án, nhận thấy: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo đều thừa nhận thông qua mạng internet tìm hiểu và liên hệ với đối tượng tên Hùng (chưa xác định được lai lịch) để thuê làm

giả 04 giấy chứng nhận xe ô tô và 01 giấy chứng minh nhân dân, sau đó dùng giấy tờ giả này cầm cố xe cho người khác chiếm đoạt tiền, chia nhau tiêu xài. Hành vi làm giả giấy tờ nêu trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”, tội phạm được quy định tại Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999, nhưng cấp sơ thẩm chưa xem xét, xử lý trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo là bỏ lọt tội phạm. Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về nội dung này là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1.2]. Về nội dung kháng nghị tăng hình phạt tù đối với các bị cáo: Nội dung kháng nghị này Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét và sẽ được giải quyết khi vụ án được điều tra, truy tố, xét xử lại.

[1.3]. Về nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Nguyễn Đình Q, Bùi Quốc Đ, Lê Công V. Do bản án sơ thẩm bị hủy, nên nội dung kháng cáo này Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[2]. Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2018/HS-ST ngày 27/9/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã bỏ lọt tội phạm đối với các bị cáo Nguyễn Đình Q, Bùi Quốc Đ, Lê Công V, Nguyễn Văn K và Hoàng Văn T, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 48/QĐ-VC2 ngày 19/10/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2018/HS-ST ngày 27/9/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk để giải quyết lại vụ án.

[3]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Nguyễn Đình Q, Bùi Quốc Đ, Lê Công V không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355, điểm a khoản 1 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 48/QĐ-VC2 ngày 19/10/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2018/HS-ST ngày 27/9/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2. Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2018/HS-ST ngày 27/9/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk để điều tra lại vụ án.

3. Các bị cáo Nguyễn Đình Q, Bùi Quốc Đ, Lê Công V không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra I, TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam thuộc Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSĐT- Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo (qua trại);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; P.HCTP; LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tào